



Số: 12/2019/TT-HĐQT-TCĐ

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty TRACODI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (TRACODI) được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 18/09/2018 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 8);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 15/06/2018;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (TRACODI) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS);

Hội đồng quản trị Công ty TRACODI kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2018 như sau :

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định của Nhà nước với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

1. Báo cáo tài chính 2018 hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Số tiền (VNĐ)
I	Tổng tài sản	1.701.218.292.229
1	Tài sản ngắn hạn	853.945.336.170
2	Tài sản dài hạn	847.272.956.059
II	Nguồn vốn	1.701.218.292.229
1	Nợ phải trả	1.210.730.578.070

2	Vốn chủ sở hữu	490.487.714.159
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	382.301.920.000
2.2	Vốn khác của chủ sở hữu	917.191.749
2.3	Quỹ đầu tư phát triển	584.650.517
2.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	87.956.655.631
III	Kết quả kinh doanh	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	876.036.645.419
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	875.265.318.408
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	106.124.277.794
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.312.613.255
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81.858.010.513
5.1	<i>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</i>	<i>63.163.721.848</i>
5.2	<i>Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát</i>	<i>18.694.288.665</i>

2. Báo cáo tài chính 2018 riêng lẻ:

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Số tiền (VNĐ)
I	Tổng tài sản	1.484.363.336.499
1	Tài sản ngắn hạn	696.707.037.221
2	Tài sản dài hạn	787.656.299.278
II	Nguồn vốn	1.484.363.336.499
1	Nợ phải trả	1.022.868.984.849
2	Vốn chủ sở hữu	461.494.351.650
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	382.301.920.000
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	584.650.517
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	78.607.781.133
III	Kết quả kinh doanh	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	467.692.162.808

048.
ÔNG
CỔ PH
TƯ PH
NG NG
VẬN
7-TP

2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	466.920.835.797
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	72.618.032.022
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.197.526.002
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.883.103.890

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: HĐQT. P. HTKD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồ Nam

